TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:57/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2022
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố Ng M, phường B Ng, thành phố CR, tỉnh KH

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Ch G, xã Ng H, huyện GR, tỉnh KG

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2021 chị Đỗ Thị B trình bày: Chị B và anh T tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân được bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ngày 17/5/2013. Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên

Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, hiện tại cháu đang sống cùng anh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường siêng cự cải do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng đã sống ly thân từ 2019 đến nay. Nay chị xét thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Thanh T.

Về con chung chị xác định có 01 người con chung là Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, hiện đang sống cùng với anh T, chị B tiếp tục giao cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 15/5/2022 bị đơn anh Đoàn Thanh T trình bày: Về hôn nhân anh T và chị B tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ngày 17/5/2013. Đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường siêng cự cải nên vợ chồng đã sống ly thân trên 05 năm nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con là Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, hiện sống cùng với anh. Nay chị B có đơn yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

Về con chung anh yêu cầu được nuôi con là Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Chín Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị B và anh Đoàn Thanh T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị B, anh T đều xác định do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa chị B, anh T đã không đạt được, hai bên đã không còn tình cảm vợ chồng và sống lý thân một thời gian dài, nay cả hai đều thống nhất ly hôn, nên trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Đoàn Thanh T.

[2.2]. Về con chung: Chị Đỗ Thị B, anh Đoàn Thanh T xác nhận có 01 người con chung là Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con. chị Đỗ Thị B đồng ý giao cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện giữa chị B, anh T. Tiếp tục giao cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Cháu Tuấn Anh có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Đoàn Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 21/6/2013, cho anh Đoàn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

Cháu Tuấn Anh có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005981 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị B, anh Đoàn Thanh T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA